

## BÁO CÁO

### Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã; thu chi ngân sách xã; thu chi ngân sách cấp xã năm 2025

**Phần A. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã; thu chi ngân sách cấp xã năm 2025.**

*(Có biểu số 60,62 kèm theo)*

**Trong đó:**

**Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã năm 2025:**

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 24.120.361.721 đồng / 22.080.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 109,24% so với dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã được UBND thành phố giao lại tại Quyết định số 3091/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025. Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt được tỷ lệ cấp trên giao chủ yếu nhờ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % được điều tiết về xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đặc biệt là thuế giá trị gia tăng, nguồn thu sử dụng đất và phí lệ phí.

Tình hình thu ngân sách xã năm 2025 cũng rất khả quan, tăng nhiều so với dự toán giao đầu năm 2025 của xã, nguyên nhân do nguồn thu điều tiết từ đất và tăng trưởng thuế doanh nghiệp – cá nhân, chủ yếu do việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai của xã có nhiều chuyển biến tích cực.

**Tổng thu ngân sách xã năm 2025:**

Tổng số thu thực hiện đạt 197.431.272.942 đồng / 31.381.670.000 đồng, đạt tỷ lệ 684% so với dự toán được HĐND xã giao (Số thu này đã loại trừ số thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025: 17.324.350.269 đồng)

Trong đó, các khoản thu 100% và thu phân chia đều vượt kế hoạch; tỷ lệ tăng cao chủ yếu do phát sinh nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và thu chuyển nguồn trong năm.

**I. Thu cân đối ngân sách:**

Thực hiện 929.266.886 đồng / 523.700.000 đồng, đạt tỷ lệ 177% so với dự toán HĐND xã giao. Thu vượt dự toán, do công tác quản lý, khai thác các khoản thu tại xã tương đối tốt.

**1. Các khoản thu xã hưởng 100%:** Thực hiện 696.918.621 đồng / 381.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 182,92% so với dự toán HĐND xã giao.

- Phí, lệ phí: 236.503.099 đồng / 168.000.000 đồng, đạt tỷ lệ: 141% so với dự toán HĐND xã giao (trong đó: Lệ phí môn bài: 68.200.000 đồng).

- Thu khác: 376.836.977 đồng/180.000.000 đồng đạt tỷ 209,35% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân năm 2025: 9.597.000 đồng.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 73.981.545 đồng/33.000.000 đồng, đạt tỷ lệ: 224% so với dự toán HĐND xã giao.

Các khoản thu nhỏ nhưng tỷ lệ cao, cho thấy có phát sinh thực tế nhiều hơn dự toán, đặc biệt là thu khác và thuế SDD phi nông nghiệp.

## **2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %:**

Thực hiện: 198.806.314 đồng/142.700.000 đồng, đạt tỷ lệ: 139% đạt và vượt so với dự toán HĐND xã giao.

## **II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.**

Thực hiện 196.502.006.056 đồng/30.857.970.000 đồng, đạt tỷ lệ 637% dự toán so với dự toán HĐND xã giao.

*Trong đó:*

**1. Thu bổ sung cân đối:** 18.835.272.000 đồng/18.835.272.000 đồng, đạt tỷ lệ 100% so với dự toán HĐND xã giao.

**2. Thu bổ sung có mục tiêu:** 177.666.734.056 đồng/12.022.698.000 đồng, đạt tỷ lệ 1.478 % so với dự toán HĐND xã giao.

## **Phần B: Chi ngân sách xã năm 2025:**

*( Có biểu số liệu số 61, 63 và Phụ biểu 01 kèm theo)*

## **Tổng chi ngân sách nhà nước:**

Thực hiện: 185.314.801.756 đồng/31.381.670.000 đồng, đạt tỷ lệ 598,67% so với dự toán HĐND xã giao (Phần chi này đã loại trừ phần chi chuyển nguồn sang năm 2026 số tiền: 29.440.821.455 đồng).

Số chi năm 2025 vượt rất lớn so với dự toán HĐND xã giao (gấp ~ 6 lần). Nguyên nhân chủ yếu đến từ chi các dự án đầu tư bổ sung trong năm và các nguồn chi thường xuyên sau sáp nhập chính quyền địa phương 02 cấp nhiều nhiệm vụ được phân quyền về cho cấp xã thực hiện tập trung chủ yếu lĩnh vực giáo dục và an sinh xã hội, hỗ trợ nghỉ việc theo Nghị định 178, 154, nhiều khoản hỗ trợ của nhà nước dành cho nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia NTM và lĩnh vực đầu tư bổ sung trong năm.

Chi tiết các khoản chi như sau:

## **I. Chi đầu tư xây dựng:**

Thực hiện 28.365.878.035 đồng/3.040.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 933% so với dự toán HĐND xã giao. Tỷ lệ đầu tư tăng cao từ các nguồn bổ sung thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 chuyển sang và các dự án giao thông phát sinh mới trong năm 2025.

*(Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm)*

## **II. Chi thường xuyên:**

Thực hiện 154.895.543.279đồng/27.914.429.000 đồng, đạt tỷ lệ 554,89% so với dự toán HĐND xã giao.

**Trong đó:**

**1. Chi cho công tác quốc phòng:** 1.153.517.200đồng/225.000.000đồng, đạt tỷ lệ 513% so với dự toán HĐND xã giao.

Chi công tác quốc phòng tăng nhiều nguyên nhân sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp nhiều nhiệm vụ được chuyển về xã thực hiện nhiệm vụ chi trả như phụ cấp và các chế độ liên quan đến lực lượng dân quân thường trực, khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

**2. Chi an ninh trật tự:** 1.776.036.400đồng/1.296.599.000đồng, đạt tỷ lệ 137% so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Thực hiện 287.200.000đồng/225.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 127,64%.

- Phụ cấp cho lực lượng ANTT cơ sở theo Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Nam: Thực hiện 1.358.530.800 đồng, đạt 126,78 %.

- Thực hiện nguồn thường xuyên Nông thôn mới trong công tác tuyên truyền pháp luật và hệ thống camera an ninh, số tiền: 130.305.600 đồng.

Nhìn chung hoạt động an ninh trật tự năm 2025 tương đối chi ổn định so với dự toán được giao.

**3. Chi sự nghiệp giáo dục:** Thực hiện 64.325.297.264 đồng/120.000.000 đồng, tăng gấp 60 lần so với dự toán giao đầu năm, nguyên nhân tăng chủ yếu do chuyển nhiệm vụ chi của các đơn vị trường học từ huyện chuyển giao về xã. Kinh phí thực hiện tập trung vào chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp khác của các đơn vị trường học trên địa bàn.

**4. Chi sự nghiệp y tế:** 1.189.903.828đồng/198.541.000đồng, đạt tỷ lệ 599% so với dự toán HĐND xã giao. Nguyên nhân tăng do trong năm có bổ sung mục tiêu nguồn chi phụ cấp cho lực lượng y tế thôn bản năm 2024, các chế độ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội theo Thông tư, Nghị định.

**5. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin:** 770.441.079 đồng/372.000.000đồng, đạt tỷ lệ 207,11% so với dự toán HĐND xã giao.

**6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:**

Thực hiện 220.471.305đồng/248.000.000đồng, đạt tỷ lệ 89% so với dự toán HĐND xã giao.

**7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao:** 186.537.690đồng/255.500.000đồng, đạt tỷ lệ 73% so với dự toán HĐND xã giao.

**8. Chi sự nghiệp xã hội:** 17.153.023.134đồng/1.584.264.000đồng, đạt tỷ lệ 1.083% so với dự toán HĐND xã giao. Tỷ lệ chi hoạt động này tăng cao nguyên nhân do chi trả những chính sách cho các đối tượng Người có công, đảm bảo xã hội

tiếp nhận từ huyện (cũ) theo Thông tư, Nghị định hiện hành và chế độ hỗ trợ nhân dân vào các dịp lễ.

**9. Chi sự nghiệp kinh tế:** 12.730.419.135đồng/3.188.000.000đồng, đạt tỷ lệ 399% so với dự toán HĐND xã giao.

Tỷ lệ này tăng cao, chủ yếu do chi từ các hoạt động nông thôn mới, các công trình sự nghiệp mang tính chất đầu tư năm trước chuyển nguồn sang và bổ sung mục tiêu trong năm, cụ thể như sau:

+ UBMT TQVN xã Tam Anh: thực hiện 37.951.000 đồng.

Tuyến đường hoa từ nguồn NTM: 37.951.000 đồng.

+ Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Anh, thực hiện: 195.811.600 đồng.

Hỗ trợ cho các chủ vật nuôi có gia súc bị tiêu hủy bắt buộc do mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi (năm 2022), số tiền: 20.281.000 đồng.

Công tác phòng chống dịch tả lợn châu phi năm 2025, số tiền: 164.530.600 đồng.

Các hoạt động chăn nuôi khác, số tiền: 5.400.000 đồng.

Chi tiền giữ cống ngăn mặn cho lao động tại các thôn, số tiền: 5.600.000 đồng.

+ Phòng Kinh tế xã Tam Anh: thực hiện 12.496.656.535 đồng.

- Thực hiện công tác chăn nuôi trên địa bàn, số tiền: 12.600.000 đồng.

- Thực hiện các hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp, số tiền: 5.069.637.350 đồng.

| TT | Nội dung                                                                                                                               | Số tiền     |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1  | Công trình Sửa chữa Cống đồngbàu Khánh, bầu Trám (dưới)                                                                                | 517.649.600 |
| 2  | Công trình: Sửa chữa cánh cửa cống tổ 2 thôn Xuân Tân                                                                                  | 74.380.000  |
| 3  | Công trình: Cầu dân sinh tuyến đường GTNT ông Hoàng - Bờ Kè                                                                            | 350.000.000 |
| 4  | Công trình: Sửa chữa cánh cửa cống ông Sanh thôn Bình An                                                                               | 112.413.000 |
| 5  | Công trình: Mương thoát nước tổ 3 thôn Hòa An                                                                                          | 400.000.000 |
| 6  | Sửa chữa hệ thống mương thoát nước phía bắc tuyến đường ĐH3 (đoạn từ nhà Nguyễn Thống đến Cầu Đình)                                    | 250.000.000 |
| 7  | Hỗ trợ Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững 2025                                                                                | 17.013.750  |
| 8  | Sửa chữa hệ thống mương thoát nước (phía nam đất nghĩa trang) và khắc phục đoạn mương đất bị lở, lấp đất nằm trong khu vực nghĩa trang | 800.000.000 |
| 9  | Sửa chữa 300m đoạn đầu tuyến kênh N293-1                                                                                               | 300.000.000 |

|    |                                                                                                                         |             |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10 | Hệ thống mương thoát nước tuyến ĐH3, trước nghĩa trang nhân dân Tam Anh Nam (đoạn từ đường vào Nghĩa trang đến Cao tốc) | 160.000.000 |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Tam Anh Bắc; Hạng mục: Tuyến đoạn cuối đường Việt Hàn đi Cổng ông Tô | 400.000.000 |
| 12 | Cải tạo, thay mới vỏ khổ cống ngăn mặn Đập Đá                                                                           | 700.000.000 |
| 13 | Công trình: Cải tạo, nâng cấp các cống trên địa bàn;HM: Cống Bà đạo.....                                                | 500.000.000 |
| 14 | Sự nghiệp thủy lợi: Sửa chữa, nâng cấp mặt đê ngăn mặn và nạo vét hệ thống mương thủy lợi phục vụ sản xuất              | 65.400.000  |
| 15 | Mô hình Ứng dụng mô hình năng lượng mặt trời trong sản xuất đông trùng hạ thảo                                          | 257.140.000 |
| 16 | Bổ sung kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm công ích                                                                       | 11.000.000  |
| 17 | Sửa chữa 500m đoạn đầu tuyến kênh N293-2                                                                                | 154.641.000 |

- Thực hiện hoạt động giao thông, số tiền: 3.833.608.000 đồng.

| TT | Nội dung                                                                                                                                               | Số tiền       |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1  | Sự nghiệp giao thông: Sửa chữa tuyến bê tông GTNT: Đoạn từ bê tông Xuân Trì - trước NVH Tiên Xuân 2; Đoạn từ nhà ông Toàn - ông Trọng (T:162; H:202,5) | 364.500.000   |
| 2  | Nâng cấp tuyến đường bê tông Tổ 4, Tiên Xuân 1                                                                                                         | 163.124.000   |
| 3  | Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thôn ĐX1.TH (Từ cổng chào tổ 1 thôn Xuân Tân đến UBND xã Tam Hòa)                                                  | 2.735.984.000 |
| 4  | Khắc phục các tuyến đường giao thông dịp tết                                                                                                           | 170.000.000   |
| 5  | Sửa chữa cống tiêu, tưới và Kè Đồng Bàu Năng đi Đập Bá Thắng                                                                                           | 400.000.000   |

- Thực hiện hoạt động kiến thiết, thị chính, số tiền: 2.523.811.185 đồng.

| TT | Nội dung                                                                                                             | Số tiền     |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1  | Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền điện thấp sáng trên địa bàn xã:                                                         | 27.819.454  |
| 2  | Kinh phí chi trả điện chiếu sáng công cộng                                                                           | 2.342.939   |
| 3  | Kinh phí chi trả tiền điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã                                                      | 373.426.792 |
| 4  | Mua sắm, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường ngõ xóm và nhà văn hóa thôn Đông Thạnh | 207.000.000 |

|    |                                                                                                                                                           |             |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5  | Hệ thống điện năng lượng mặt trời chiếu sáng các tuyến đường thôn, ngõ xóm                                                                                | 268.200.000 |
| 6  | Mua sắm, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường trên địa bàn thôn Đức Bó 2, Đức Bó 1, Thuận An, Trà Lý, An Lương            | 679.287.000 |
| 7  | Mua sắm thiết bị điện chiếu sáng các tuyến đường                                                                                                          | 131.000.000 |
| 8  | Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trục chính thôn, thôn NTM kiểu mẫu Bình An                                                                              | 186.300.000 |
| 9  | Điện an toàn sau công tơ từ đường Võ Chí Công - nhà Huỳnh Cần và các ngõ nhánh, thôn NTM kiểu mẫu Bình An                                                 | 203.000.000 |
| 10 | Mua sắm, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường ngõ xóm và nhà văn hóa thôn Bình An                                         | 152.689.000 |
| 11 | Lắp đặt biển báo, cắm mốc thôn kiểu mẫu Bình An                                                                                                           | 29.546.000  |
| 12 | Trồng, chăm sóc cây xanh, đường hoa trên địa bàn xã: Cảnh quan môi trường khu dân cư Tiên Xuân 1                                                          | 90.000.000  |
| 13 | Trồng, chăm sóc cây xanh, đường hoa trên địa bàn xã: Chăm sóc các tuyến đường hoa trên địa bàn toàn xã                                                    | 61.300.000  |
| 14 | Mua sắm, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường ngõ xóm, các khu vui chơi, sinh hoạt TDTT, các nhà văn hóa - Tam Anh Bắc cũ | 90.900.000  |
| 15 | Điện chiếu sáng các tuyến đường xã cũ đã chi                                                                                                              | 21.000.000  |

- Thực hiện các hoạt động kinh tế khác, số tiền: 1.057.000.000 đồng.

Chợ an toàn thực phẩm: 643.000.000 đồng.

Kinh phí xác định giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án do thành phố đầu tư trên địa bàn: 414.000.000 đồng.

**10. Chi sự nghiệp môi trường:** 2.224.384.782 đồng/475.871.000 đồng, đạt 467% so với dự toán HĐND xã giao.

| TT | Nội dung                                            | Số tiền     |
|----|-----------------------------------------------------|-------------|
| 1  | Trồng, chăm sóc cây xanh, đường hoa trên địa bàn xã | 375.763.000 |

|    |                                                                                                                                                                                               |                      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 2  | Hỗ trợ di dời chuồng trại chăn nuôi và xử lý hệ thống nước thải chăn nuôi nông hộ                                                                                                             | 10.689.000           |
| 3  | Hỗ trợ xây dựng hầm BIOGA trong chăn nuôi nông hộ                                                                                                                                             | 12.000.000           |
| 4  | Mô hình phân loại, xử lý, tái chế rác thải nhựa bảo vệ môi trường khu dân cư                                                                                                                  | 80.000.000           |
| 6  | Mô hình điểm tập kết rác thải tại xã Tam Anh                                                                                                                                                  | 104.071.000          |
| 7  | Mô hình phân loại, xử lý, tái chế rác thải nhựa bảo vệ môi trường khu dân cư                                                                                                                  | 23.000.000           |
| 9  | Thực hiện mô hình tuần hoàn, tái tạo chất thải trong chăn nuôi, trồng trọt làm thức ăn hữu cơ, làm thức ăn cho con vật nuôi, sản xuất phân hữu cơ từ con trùn quế trên địa bàn xã Tam Anh Nam | 172.380.000          |
| 10 | Mô hình thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn                                                                                                                                            | 151.500.000          |
| 11 | Chăm sóc cây xanh trên địa bàn xã                                                                                                                                                             | 31.800.000           |
| 12 | Mua thùng chứa rác, phân bố trên dọc các tuyến đường của xã                                                                                                                                   | 144.929.000          |
| 13 | Mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn                                                                                                                                                     | 70.000.000           |
| 14 | Mua cây xanh, cây có bóng trồng các tuyến đường trên địa bàn xã                                                                                                                               | 62.090.000           |
| 15 | Mô hình chất thải rắn tại nguồn                                                                                                                                                               | 10.379.982           |
| 16 | Đề án thu gom, xử lý rác thải bờ biển                                                                                                                                                         | 388.619.000          |
| 17 | Kinh phí vệ sinh, khơi thông cống và mương thoát nước khu trung tâm hành chính xã                                                                                                             | 73.993.000           |
| 18 | Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã                                                                                                                                                    | 513.170.800          |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                              | <b>2.224.384.782</b> |

Nguyên nhân tăng do từ nguồn bổ sung có mục tiêu của huyện (cũ) hỗ trợ chi trả phương án thu gom rác thải trên địa bàn xã, các nguồn vốn thuộc nguồn sự nghiệp môi trường và chương trình Nông thôn mới.

#### **11. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể:**

Thực hiện 51.791.168.385 đồng/19.856.583.000 đồng, đạt tỷ lệ 261% so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

11.1. Văn phòng Đảng ủy xã: Thực hiện 5.321.179.308 đồng.

- Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương: 2.337.835.140 đồng.

- Chi hoạt động thường xuyên: 1.864.863.788 đồng.

- Kinh phí mua sắm xe công vụ và tài sản khác: 1.118.480.380 đồng

11.2 Văn phòng HĐND và UBND: Thực hiện 4.832.730.290 đồng.

+ Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương: 2.496.589.500 đồng.

+ Chi hoạt động thường xuyên: 1.326.717.790 đồng.

+ Kinh phí sửa chữa trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND: 1.009.423.000 đồng.

11.3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Anh: Thực hiện 3.153.718.522 đồng.

+ Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương: 1.708.448.257 đồng.

+ Chi hoạt động thường xuyên: 1.445.270.265 đồng.

11.4. Phòng Văn hóa – Xã hội: Thực hiện 21.695.798.784 đồng.

+ Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương: 866.162.698 đồng.

+ Chi chế độ thưởng trong các hội nghị thi đua khen thưởng: 168.404.233 đồng.

+ Chi hoạt động thường xuyên: 377.542.853 đồng.

+ Chế độ hỗ trợ nghỉ việc của Nghị định 178/2025/NĐ-CP cho cán bộ công chức 16.040.444.000 đồng.

+ Chế độ hỗ trợ nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP cho người hoạt động không chuyên trách của xã: 4.243.245.000 đồng.

11.5. Phòng Kinh tế xã Tam Anh: Thực hiện 15.315.187.821 đồng (bao gồm kinh phí của 03 xã cũ)

+ Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương: 9.870.810.634 đồng.

+ Chi chế độ thưởng trong các hội nghị thi đua khen thưởng: 331.367.320 đồng.

+ Chế độ hỗ trợ cho cán bộ công chức nghỉ việc, số tiền: 303.318.000 đồng.

+ Chi hoạt động thường xuyên: 4.809.691.867 đồng.

11.6. Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: Thực hiện 618.322.860 đồng.

+ Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương: 432.548.440 đồng.

+ Chi hoạt động thường xuyên: 185.774.420 đồng.

**12. Chi khác:** 365.143.580 đồng/94.071.000 đồng, đạt tỷ lệ 388% so với dự toán HĐND xã giao. Các hoạt động chủ yếu những nhiệm vụ phát sinh thường xuyên và hỗ trợ các đơn vị thực hiện phối hợp công việc với xã.

**13. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách:** 330.491.000 đồng/378.491.000 đồng, đạt tỷ lệ 87,32% so với dự toán HĐND xã giao.

Nguồn dự phòng được UBND các xã (cũ) thực hiện hỗ trợ hoạt động cho các hội đặc thù, chi thực hiện lấy ý kiến của người dân về công tác sáp nhập đơn vị hành chính và được UBND xã (mới) phân bổ thực hiện công tác phòng chống Dịch tả lợn Châu Phi.

### III. Nộp trả ngân sách: 2.053.380.442 đồng, cụ thể như sau:

|          |                                                                           |                      |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                          | <b>2.053.380.442</b> |
| <b>A</b> | <b>KINH PHÍ NĂM 2024 CHUYỂN SANG NĂM 2025</b>                             | <b>2.006.970.400</b> |
| <b>I</b> | <b>Phòng Kinh tế xã Tam Anh</b>                                           | <b>2.006.970.400</b> |
| 1        | Kiên cố hóa đường ĐH2.NT; Hạng mục: Mở rộng mặt đường và mương thoát nước | 1.700.569.000        |

|            |                                                                                                                          |                   |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 2          | Chi nộp trả từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024 (xóa nhà tạm)                                                      | 110.000.000       |
| 3          | Kinh phí Sửa chữa Cổng đồng bào Khánh, bầu Trám (dưới) - Nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 của xã Tam Anh Bắc cũ | 196.401.400       |
| <b>II</b>  | <b>Trường MG Ánh Dương</b>                                                                                               | <b>542.000</b>    |
|            | Kinh phí năm 2024 chuyển sang 2025 (Kinh phí NQ26)                                                                       | 542.000           |
| <b>III</b> | <b>Trường TH Trần Văn Ôn</b>                                                                                             | <b>380</b>        |
|            | Chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025                                                                                      | 380               |
| <b>IV</b>  | <b>Trường THCS Nguyễn Khuyến</b>                                                                                         | <b>21.496.000</b> |
|            | Kinh phí năm trước chuyển sang 2025                                                                                      | 1.496.000         |
|            | Kinh phí Kiểm định chất lượng năm 2024 chuyển sang                                                                       | 20.000.000        |
| <b>V</b>   | <b>Trường Nguyễn Hiền</b>                                                                                                | <b>22.471.662</b> |
|            | Kinh phí năm trước chuyển sang 2025 ( Kinh phí PCCC)                                                                     | 15.145.000        |
|            | Kinh phí Hoạt động chuyên môn theo QĐ 1750/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 ( nguồn 12)                                            | 7.326.662         |
| <b>VI</b>  | <b>Trường Mẫu Giáo Tuổi thơ</b>                                                                                          | <b>1.900.000</b>  |
|            | Kinh phí năm trước chuyển sang 2025 (Kinh phí PCCC)                                                                      | 1.900.000         |

**IV. Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025: 29.440.821.455 đồng.**

(Chi tiết theo biểu số 69 kèm theo)

**Phần C. Tình hình thực hiện các loại quỹ công chuyên dùng và các quỹ tiền gửi khác của các đơn vị sử dụng ngân sách cụ thể như sau:**

| TT       | Nội dung                                         | Kinh phí tiếp nhận từ các xã | Kinh phí thu từ ngày 01/7/2025 | Kinh phí đã thực hiện chi từ ngày 01/7/2025 | Còn lại              |
|----------|--------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|----------------------|
| <b>A</b> | <b>Phòng Văn hóa - Xã hội</b>                    | <b>374.266.357</b>           | <b>156.279.554</b>             | <b>102.077.146</b>                          | <b>428.468.765</b>   |
| 1        | Quỹ Đền ơn đáp nghĩa                             | 312.426.977                  | 31.281.673                     | 675.546                                     | 343.033.104          |
| 2        | Bảo trợ Trẻ em                                   | 24.135.380                   | 11.754.481                     | 0                                           | 35.889.861           |
| 3        | Khác                                             | 37.704.000                   | 113.243.400                    | 101.401.600                                 | 49.545.800           |
| <b>B</b> | <b>Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công</b> | <b>1.737.341.059</b>         | <b>361.099.000</b>             | <b>257.948.398</b>                          | <b>1.840.491.661</b> |
| 1        | Thu rác thải sinh hoạt                           | 710.266.570                  | 232.980.000                    | 109.886.480                                 | 833.360.090          |
| 2        | Chợ Tam Hòa                                      | 21.558.586                   | 43.273.000                     | 37.166.238                                  | 27.665.348           |
| 3        | Thu nước tưới tiêu                               | 13.767.360                   | 81.846.000                     | 65.267.900                                  | 30.345.460           |

|                  |                                 |                      |                      |                      |                      |
|------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 4                | Thu phà Tam Hòa                 | 70.339.341           | 3.000.000            | 41.228.584           | 32.110.757           |
| 5                | Chợ Tam Anh                     | 921.409.202          | 0                    | 4.399.196            | 917.010.006          |
| <b>C</b>         | <b>UBMT TQVN xã</b>             | <b>105.115.173</b>   | <b>1.489.477.667</b> | <b>146.398.000</b>   | <b>1.448.194.840</b> |
| 1                | Quỹ vì người nghèo              | 104.679.259          | 70.079.007           | 127.000.000          | 47.758.266           |
| 2                | Quỹ cứu trợ                     | 435.914              | 1.419.398.660        | 19.398.000           | 1.400.436.574        |
| 3                | Quỹ tiền gửi khác               | 0                    | 2.997.600            | 0                    | 2.997.600            |
| <b>D</b>         | <b>Phòng kinh tế xã Tam Anh</b> | <b>4.293.314.942</b> | <b>116.328.257</b>   | <b>2.167.464.509</b> | <b>2.242.178.690</b> |
| 1                | Quỹ tiền gửi khác               | 4.289.504.942        | 99.793.257           | 2.151.799.109        | 2.237.499.090        |
| 2                | Quỹ phòng chống thiên tai       | 3.810.000            | 16.535.000           | 15.665.400           | 4.679.600            |
| <b>Tổng cộng</b> |                                 | <b>6.510.037.531</b> | <b>2.123.184.478</b> | <b>2.673.888.053</b> | <b>5.959.333.956</b> |

## **Phần D. Một số nhận xét đánh giá công tác quản lý và điều hành NSNN năm 2025.**

### **1. Tình hình thu ngân sách xã :**

Trong năm 2025, tình hình thu ngân sách xã trong cân đối ngân sách đạt 177% so với dự toán được giao đầu năm. Kết quả này cho thấy công tác chỉ đạo, điều hành thu ngân sách được thực hiện quyết liệt, hiệu quả; các khoản thu cơ bản được triển khai đồng bộ, góp phần bảo đảm nguồn lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và chi ngân sách trên địa bàn xã.

### **2. Tình hình chi ngân sách :**

Trong năm 2025 UBND xã đã tổ chức điều hành chi ngân sách theo đúng kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm trên cơ sở nhiệm vụ của Đảng ủy, HĐND, các tổ chức chính trị, các phòng ban chuyên môn, tổ chức xã hội của xã; việc chi ngân sách bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Nhà nước, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và hoạt động thường xuyên trên địa bàn.

### **3. Tình hình Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã; thu chi ngân sách cấp xã năm 2025 :**

UBND xã Tam Anh đã phân rã lại nguyên trạng Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã trước 30/6/2025; phân bổ mục tiêu các nguồn vốn được UBND thành phố giao 6 tháng cuối năm sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp đúng theo tinh thần chỉ đạo chung của UBND Thành phố Đà Nẵng.

### **Phần F. Phương hướng công tác quản lý và điều hành NSNN năm 2026:**

Để hoàn thành nhiệm vụ dự toán ngân sách nhà nước được giao trong năm 2026, UBND xã xác định tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành thu ngân sách; nỗ lực tổ chức thu các khoản đạt 100% và phấn đấu vượt dự toán HĐND xã giao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và tăng cường đôn đốc việc thu các khoản quỹ công chuyên dùng, bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất theo quy định.

- Điều hành ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả; chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chủ động theo dõi, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân sách; đồng thời bảo đảm nguồn lực thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, an sinh xã hội trên địa bàn xã./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính (báo cáo);
- Hội đồng nhân dân xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các phòng, đơn vị sử dụng dự toán;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Trường**